

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 282/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 7 - 2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Văn Công Trọn

Ông Duyên Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Xô là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 338/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 274/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Tăng Minh N, sinh năm 1985 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1989 (Vắng mặt);

Cùng cư trú: Khóm 4, thị trấn S, huyện T, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/6/2022 và đơn yêu cầu v/v xin Tòa án không tiến hành hòa giải đề ngày 07/7/2022, nguyên đơn anh Tăng Minh N trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Tăng Minh N và chị Trần Thị T kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào ngày 20/4/2009. Do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay, hiện nay vợ chồng không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Do không còn tình cảm với chị T nên anh N yêu cầu được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung gồm Tăng Bảo Yên, sinh ngày 15/9/2008; Tăng Ngọc Yên, sinh ngày 23/11/2012 và Tăng Minh Khôi, sinh ngày 21/6/2017. Hiện nay các con do anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh

N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho các con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Trần Thị T: Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham dự phiên tòa nhưng chị T không có mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị T về các nội dung khởi kiện của anh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Tăng Minh N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn chị Trần Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N và chị T.

[2] Về hôn nhân: Anh Tăng Minh N và chị Trần Thị T xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Anh N xác định, do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2021 nên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; vợ chồng không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân; anh N không còn tình cảm với chị T nên yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về phía chị T, tuy đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa nhưng chị T không có mặt, điều này cho thấy chị T không có thiện chí hàn gắn và cũng không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với anh N.

Do anh N và chị T không thực hiện được nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và sống chung với nhau nên xác định anh N và chị T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của anh N, cho anh N và chị T ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có ba người con chung gồm Tăng Bảo Yến, sinh ngày 15/9/2008; Tăng Ngọc Yến, sinh ngày 23/11/2012 và Tăng Minh Khôi, sinh ngày 21/6/2017.

Khi ly hôn, anh N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con. Xét thấy, từ khi anh N và chị T sống ly thân, các cháu Bảo Yến, Ngọc Yến và Minh Khôi đều do anh N trực tiếp nuôi dưỡng; hơn nữa các cháu Bảo Yến, Ngọc Yến cũng có nguyện vọng được sống cùng với cha là anh N. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt

của các cháu Bảo Yến, Ngọc Yến và Minh Khôi, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh N, giao các cháu Bảo Yến, Ngọc Yến và Minh Khôi cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N xác định có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng các con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho các con nên chị T không phải cấp dưỡng cho các cháu Bảo Yến, Ngọc Yến và Minh Khôi.

[4] Về tài sản chung: Anh N xác định sẽ tự thỏa thuận với chị T, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của chị T về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Anh N xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của chị T về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Nguyên đơn anh N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Tăng Minh N.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Tăng Minh N và chị Trần Thị T.

- Về con chung: Giao các cháu Tăng Bảo Yến, sinh ngày 15/9/2008; Tăng Ngọc Yến, sinh ngày 23/11/2012; Tăng Minh Khôi, sinh ngày 21/6/2017 cho anh Tăng Minh N trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Trần Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Bảo Yến, Ngọc Yến và Minh Khôi mà không ai được cản trở; chị T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của các cháu Bảo Yến, Ngọc Yến và Minh Khôi được sống chung với anh N; chị T không phải cấp dưỡng cho các cháu Bảo Yến, Ngọc Yến và Minh Khôi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Anh Tăng Minh N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Ngày 09/6/2022 anh N đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004941 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được đối trừ chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Tăng Minh N và bị đơn chị Trần Thị T có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Trần Văn Thới;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Thị Hồng Hà